

Số: *M60*/QĐ-UBND

Yên Bái, ngày *04* tháng 7 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu tái định cư dự án khai thác chế biến quặng sắt khu vực Núi Vi - Làng Thảo, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 19/2022/QĐ-UBND ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái ban hành Quy định một số nội dung về công tác bảo vệ môi trường tỉnh Yên Bái;

Xét Báo cáo thẩm định kết quả Báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án Khu tái định cư dự án khai thác chế biến quặng sắt khu vực Núi Vi - Làng Thảo, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái số 199/BC-HĐTĐ ngày 21 tháng 6 năm 2023 của Hội đồng thẩm định;

Xét nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu tái định cư dự án khai thác chế biến quặng sắt khu vực Núi Vi - Làng Thảo, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm theo Văn bản số 83/CV-BQL ngày 26 tháng 5 năm 2023 của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 286/TTr-STNMT ngày 27 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với Dự án Khu tái định cư dự án khai thác chế biến quặng sắt khu vực Núi Vi - Làng Thảo, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái (sau đây viết tắt là Dự án) của Ban Quản lý Dự án đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên (sau đây viết tắt

là Chủ dự án) với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án và đơn vị được giao vận hành quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trấn Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên; Giám đốc Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch UBND tỉnh (báo cáo);
- Phó Chủ tịch TT UBND tỉnh;
- Phó CVP (TH) UBND tỉnh;
- Trung tâm PVHCC tỉnh;
- Trung tâm ĐHTM tỉnh;
- Lưu: VT, TNMT, NLN.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Thế Phước



**NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN
KHU TÁI ĐỊNH CƯ DỰ ÁN KHAI THÁC CHẾ BIẾN QUẶNG SẮT KHU
VỰC NÚI VI - LÀNG THẢO, XÃ HƯNG THỊNH, HUYỆN TRẦN YÊN,
TỈNH YÊN BÁI**

Kèm theo Quyết định số 1160/QĐ-UBND ngày 04 tháng 7 năm 2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Dự án Khu tái định cư dự án khai thác chế biến quặng sắt khu vực Núi Vi - Làng Thảo, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.
- Địa điểm thực hiện: Xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng huyện Trấn Yên.

1.2. Phạm vi, quy mô của dự án

a) Phạm vi của dự án

Khu vực Khu tái định cư dự án khai thác, chế biến quặng sắt khu vực Núi Vi - Làng Thảo, xã Hưng Thịnh, huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái có diện tích 2,05 ha. Tọa độ vị trí theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3° .

Bảng tọa độ khép góc của khu vực

STT	Điểm	Hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trực $104^{\circ}45'$, múi chiếu 3°		Diện tích
		X (m)	Y (m)	
1	1	2388612.82	503313.92	2,05 ha
2	2	2388615.16	503306.33	
3	3	2388650.49	503311.30	
4	4	2388675.34	503292.47	
5	5	2388698.92	503284.21	
6	6	2388723.90	503302.37	
7	7	2388738.32	503274.65	
8	8	2388756.15	503277.81	
9	9	2388781.66	503287.23	
10	10	2388808.52	503307.07	
11	11	2388830.01	503293.56	
12	12	2388855.01	503293.22	
13	13	2388860.45	503305.41	
14	14	2388858.16	503327.88	



15	15	2388858.16	503356.81
16	16	2388862.57	503356.81
17	17	2388860.04	503369.99
18	18	2388840.74	503386.22
19	19	2388798.00	503400.30
20	20	2388791.84	503384.21
21	21	2388792.56	503375.46
22	22	2388770.40	503385.86
23	23	2388762.45	503418.85
24	24	2388705.60	503388.67
25	25	2388612.82	503313.92

b) Quy mô của dự án: Tổng diện tích là 2,05 ha với số lô dự kiến phân 11 lô với diện tích bình quân 300 m²/01 lô.

c) Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

STT	Hạng mục	ĐVT	Quy mô
1	Diện tích mặt bằng quỹ đất	m ²	3.827.00
2	Diện tích mái taluy	m ²	2.918,91
3	Đường giao thông và các hạng mục phụ trợ	m ²	13.754
	Tổng diện tích	m²	6.745,91

(1) San tạo mặt bằng khu dân cư:

- Mặt bằng quỹ đất thiết kế nằm phía trong vỉa hè của đường; cao độ san nền quỹ đất cao hơn hành lang của đường là 30 cm.

- Mặt bằng được thiết kế với độ dốc như sau:

+ Độ dốc thoát nước mặt bằng quỹ đất theo độ dốc mặt đường hiện có và được cải tạo lại cho phù hợp với tuyến đường nâng cấp cải tạo có độ dốc từ 0% đến 2,76 %. Theo chiều vuông góc với đường $i = 2\%$.

+ Độ dốc thoát nước hành lang đường bộ: $i = 1\%$

+ Độ chặt đầm lèn nền $K=0,90$

+ Mái ta luy đắp mặt bằng là 1/1,5 với chiều cao đắp cơ trên $H=6m$, chiều rộng bậc thêm rộng 2m dốc 5% ra phía ngoài mái đường, cơ dưới mái ta luy đắp là 1/1,75.

+ Độ dốc mái ta luy đào 1/1.

+ Tại những đoạn có mái ta luy nền đào cao và kéo dài, cứ chiều cao đào 8,0 m thiết kế giật 01 bậc thêm có chiều rộng bậc là 2,0 m dốc 5% ra phía ngoài



mái ta luy đường. Riêng phía bên phải thuộc tuyến nhánh giai đoạn sau không có công quỹ đất nên cứ chiều cao đào 8m thiết kế giạt 01 bậc thêm có chiều rộng bậc là 2,0 m, có gia cố bằng bê tông M200 dày 15 cm dốc 15% nghiêng vào phía trong mái ta luy, cuối hạ lưu bậc cơ bố trí bậc nước tương ứng với hệ thống rãnh này để dẫn nước thoát ra rãnh dọc đường.

+ Mái ta luy đắp giáp suối gia cố bằng bê tông M200 dày 20 cm. Chân mái ta luy dưới phần ốp mái thiết kế chân khay M200, đỉnh chân khay có chiều rộng $b=0,3$ m, chân có chiều rộng 0,55 m, chiều cao là 1,1 m. Bình quân dọc theo chân khay và ốp mái ta luy là 10m bố trí 1 khe phòng lún và 2 m bố trí 1 ống thoát nước, phía đầu ống thoát nước được bọc vải địa kỹ thuật có đục lỗ để thoát nước thân kè.

+ Đất đắp được đào san tạo từ mô đất nằm bên trái cánh tuyến sang để đắp mặt bằng với chiều sâu từ vỉa hè vào $L=12,50$ m. Độ dốc san theo độ dốc mặt đường hiện có và được cải tạo lại cho phù hợp với tuyến đường nâng cấp cải tạo có độ dốc từ 0% đến 2,76 %. Theo chiều vuông góc với đường $i = 2\%$.

- Bố trí 11 lô tái định cư thiết kế mới với diện tích bình quân 01 lô là $300 \text{ m}^2/1$ lô. Chiều rộng 1 lô bám theo mặt đường $B=10$ m chiều sâu lô đất $L=30$ m (Không kể dải an toàn rộng 2 m)

(2) Đường giao thông: Đường được thiết kế bám theo tuyến đường hiện có và thiết kế 01 ngã ba để vượt vào đường dân sinh hiện có.

- Chiều rộng nền đường: $B_{\text{nền}} = 6,50 + 2 \times 3 = 12,50$ m

- Bề rộng mặt đường rộng 6,5 m; bề rộng vỉa hè $B_{\text{vh}} = 2 \times 3$ m

- Độ dốc ngang mặt đường: $i_m = 2\%$

- Độ dốc ngang vỉa hè: $i_{\text{vh}} = 1\%$ (dốc vào phía đường)

(3) Công trình thoát nước:

- Hệ thống rãnh thoát nước mưa và nước thải của các hộ dân dọc tuyến đường nội bộ bằng rãnh bê tông M200# dày 15 cm, trên lớp đệm bằng cấp phối đá dăm loại 2 dày 10 cm, với khẩu độ $L_0=60$ cm, tấm đậy bằng BTCT M250# dày 10 cm hoàn chỉnh. Phạm vi bố trí nhà dân dọc theo rãnh thiết kế ống nhựa PVC D110 dài $L=2,00$ m, đặt chờ thu nước sinh hoạt, bố trí 10 m/1 ống.

- Nước thải sinh hoạt có hệ thống thoát riêng thông qua hệ thống bể tự hoại tại mỗi công trình nhà ở rồi mới thu nước vào hệ thống rãnh thoát nước dọc theo tuyến giao thông. Tại mỗi nhà dân đặt chờ 1 ống nhựa PVC D110, dài trung bình $L=2,5$ m thấp hơn vỉa hè $H_{\text{tb}} = 30$ cm để thu nước sinh hoạt và nước thải của các hộ dân sau khi đã được xử lý thông qua bể tự hoại của các hộ dân.

- Toàn bộ nước tại công trình được thu và chảy vào rãnh dọc đường. Rãnh dọc bên phải tuyến phía hạ lưu thiết kế dốc nước chảy ra suối khu vực thôn Yên Thành nhánh thượng lưu suối Ngòi Lâu.

- Cửa thu nước được đặt sát với viên bó vỉa, cự ly trung bình giữa các cửa thu trung bình $L= 25$ m, trên miệng cửa thu nước được đặt tấm chắn rác bằng gang đúc. Cửa thu nước có thân, móng bằng BTXM M200# đổ tại chỗ trên lớp đệm bằng bê tông M100 dày 5 cm.



- Thiết kế mới 1 công bản Lo=75 tải trọng thiết kế H13-X60. Tấm bản BTCT M250# dày 15 cm, xà mũ BTCT M250#, thân công bằng bê tông M200#.

Thiết kế bó vỉa: Bó vỉa BTXM 200# kích thước viên vỉa 0,26*0,23*1 m trên các đoạn đường thẳng, kích thước viên vỉa 0,26*0,23*0,5 m trên các đoạn đường cong, cấu tạo lắp ghép đặt sát vào mép vỉa hè dùng để bó vỉa hè phố.

d) Các yếu tố nhạy cảm về môi trường: Dự án có yêu cầu chuyển đổi mục đích sử dụng đất trồng lúa với diện tích 0,65 ha (6.500 m²).

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

2.1. Trong giai đoạn thi công xây dựng

- Các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

+ Hoạt động giải phóng mặt bằng.

+ Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án: san nền; đường nội bộ; hành lang, vỉa hè; hệ thống thoát nước mưa, nước thải...

+ Hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân xây dựng.

+ Hoạt động vận chuyển nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ thi công xây dựng và vận chuyển chất thải đi xử lý.

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, khí thải; nước thải; chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại; tiếng ồn, độ rung... có khả năng ảnh hưởng đến đời sống của người dân xung quanh và cảnh quan, môi trường, hệ thống giao thông khu vực dự án.

2.2. Giai đoạn vận hành

Các hoạt động của dự án có khả năng tác động xấu đến môi trường:

- Hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu vực dự án phát sinh nước thải, chất thải rắn sinh hoạt

- Hoạt động của các phương tiện giao thông trên tuyến đường nội bộ của dự án.

- Nước mưa chảy tràn.

- Hoạt động thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải tập trung

Các hoạt động nêu trên phát sinh bụi, tiếng ồn, khí thải, nước thải, chất thải rắn thông thường, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại, có khả năng ảnh hưởng đến đời sống của người dân xung quanh và cảnh quan, môi trường khu vực dự án.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

a) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của nước thải

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Nước thải sinh hoạt: phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân thi công trên công trường với lưu lượng 1,6 m³/ngày. Thành phần chủ yếu



chất rắn lơ lửng (*TSS*), các hợp chất hữu cơ (*BOD*, *COD*), các chất dinh dưỡng (*N*, *P*), Amoni, dầu mỡ, các vi sinh vật...

+ Nước thải xây dựng: Phát sinh chủ yếu từ quá trình vệ sinh máy móc, dụng cụ thi công lưu lượng 3,4 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, bùn, đất...

+ Nước mưa chảy tràn: phát sinh chủ yếu trên mặt bằng thi công với lưu lượng 0,25 m³/ngày. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn đất, cát...

- Giai đoạn hoạt động

+ Nước thải sinh hoạt: Phát sinh từ quá trình sinh hoạt của các hộ dân 07 m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng (*TSS*), các hợp chất hữu cơ (*BOD*, *COD*), các chất dinh dưỡng (*N*, *P*), Amoni, dầu mỡ, các vi sinh vật...

+ Nước mưa chảy tràn: phát sinh trên bề mặt khu vực dự án với lưu lượng 0,39m³/ngày đêm. Thành phần chủ yếu là chất rắn lơ lửng, bùn đất, cát...

b) Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Nguồn phát sinh: Phát sinh chủ yếu từ hoạt động đắp, san tạo mặt bằng, vận chuyển nguyên, nhiên vật liệu, phương tiện, máy móc thi công giao thông ra vào khu vực dự án, từ quá trình lắp đặt máy móc, thiết bị của dự án...

+ Quy mô, tính chất: Đây là các nguồn thải nhỏ và biến động, thay đổi vị trí liên tục, lưu lượng xả thải không đáng kể. Thành phần chủ yếu là bụi, bụi PM₁₀, SO₂, NO_x, CO, VOC, HC, H₂S...

- Giai đoạn hoạt động

+ Nguồn phát sinh: Bụi và khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông cá nhân; quá trình nấu ăn của các hộ dân, khu vực tập trung chất thải rắn, khu xử lý nước thải...

+ Quy mô, tính chất: Đây là các nguồn thải nhỏ và biến động, thay đổi vị trí liên tục, lưu lượng xả thải không đáng kể. Thành phần chủ yếu gồm: Bụi và các khí độc: CO, CO₂, SO₂, NO_x...NH₃, CH₄, H₂S...

3.2. Chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn sinh hoạt

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên phục vụ dự án. Khối lượng phát sinh 5,8 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, chai thủy tinh, kim loại, chất hữu cơ dễ phân hủy, bao bì...

- Giai đoạn hoạt động: Phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cư dân sinh sống trong dự án. Khối lượng phát sinh 25,52 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là rau, củ, quả, thực phẩm thừa, giấy, túi nilon, vỏ hộp nhựa, chai thủy tinh, kim loại...

b) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Chất thải rắn xây dựng phát sinh chủ yếu từ hoạt động thi công xây dựng gồm: đá, cát, gạch vỡ, vữa, vật liệu rơi vãi, vỏ



... Khôi lượng phát sinh 57,02 tấn/giai đoạn (thời gian thi công 06 tháng).
Giai đoạn hoạt động: Bùn từ hệ thống xử lý nước thải tập trung phát sinh khoảng 0.925 kg/ngày (chu kỳ nạo vét bùn là 06 tháng/lần).

c) Nguồn phát sinh, quy mô tính chất của chất thải nguy hại

- Giai đoạn thi công xây dựng: Phát sinh từ quá trình sửa chữa, bảo dưỡng máy móc thi công và quá trình thi công xây dựng. Khối lượng 112,4 kg trong giai đoạn (thời gian thi công 06 tháng). Thành phần chủ yếu: bóng đèn hỏng, vỏ ác quy hỏng thải, giẻ lau dính dầu mỡ...

- Giai đoạn hoạt động: Phát sinh chủ yếu từ quá trình sinh hoạt, kinh doanh của các hộ dân hàng ngày. Khối lượng phát sinh 93,14 kg/năm. Thành phần chủ yếu gồm các loại pin, ác quy hỏng, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu mỡ thải...

3.3. Tiếng ồn, độ rung

- Giai đoạn thi công xây dựng:

+ Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu trong giai đoạn thi công xây dựng dự án bao gồm: tiếng ồn từ các phương tiện giao thông vận tải (xe tải chuyên chở vật liệu, máy móc thi công, nguyên vật liệu xây dựng...); tiếng ồn từ các loại máy móc thi công (máy đầm nén, máy xúc, xe nâng...); tiếng ồn từ hoạt động thi công hàn, cắt, đóng cọc...

+ Nguồn phát sinh độ rung chủ yếu từ các máy móc thi công, các phương tiện vận tải trên công trường...

- Giai đoạn hoạt động: Tiếng ồn, độ rung gây ra chủ yếu do các phương tiện giao thông vận tải của người dân và khách vãng lai trong khu vực dự án, ngoài ra còn có một số loại phương tiện vận tải qua lại khác...

3.4. Các tác động môi trường khác và các sự cố môi trường của dự án

- Sử dụng đất lúa: Quy mô sử dụng và chuyển đổi đất lúa của dự án là 0,65 ha, việc sử dụng đất lúa phục vụ cho dự án ảnh hưởng, tác động đến sinh kế, đời sống của các hộ dân bị thu hồi đất.

- Nguy cơ sạt lở taluy dương tại vị đào đất để san tạo mặt bằng và taluy âm tại vị trí tiếp giáp với dòng suối chảy qua khu vực dự án.

- Các sự cố có thể xảy ra trong giai đoạn thi công và vận hành dự án: sự cố do thiên tai (mưa bão, lũ lụt); sự cố cháy nổ; sự cố tai nạn lao động; sự cố đối với hệ thống thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt.

4. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư

4.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

a) Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt: Nhà thầu thi công dự kiến thuê nhà của hộ dân khu vực gần dự án để bố trí lán trại công trường, trong giai đoạn thi công sử dụng công trình vệ sinh hiện hữu của hộ gia đình để thu gom nước thải sinh hoạt.

- Nước thải xây dựng:

+ Nước thải từ hoạt động bảo dưỡng, trộn bê tông: Nước thải từ hoạt động bảo dưỡng, trộn bê tông được thu gom tại vị trí dự kiến làm bãi trộn, bố trí tuyến rãnh có kích thước rộng mặt x sâu (m): 0,25 x 0,3 m dẫn vào hố ga lắng tạm có kích thước dài x rộng x sâu (m): 0,8 x 0,8 x 0,6 m; định kỳ hàng ngày nạo vét đất, bùn lắng xi măng trong hố để đắp san nền tại chỗ.

+ Nước thải rửa thiết bị: Bố trí khu vực rửa thiết bị cố định trên công trình thi công. Nước thải quá trình rửa thiết bị thu gom vào 01 hố lắng tạm có kích thước dài x rộng x sâu (m): 2 x 1,5 x 1,5 m, nước thải sau hố lắng dùng đường rãnh kích thước rộng mặt x sâu (m): 0,25 x 0,3 m. Lượng bùn đất đá trong hố lắng nước thải rửa thiết bị được vét thường xuyên phục vụ san lấp tại chỗ

- Nước mưa chảy tràn:

+ Đối với đồi bên trái cánh tuyến (phía taluy dương): Bố trí rãnh thoát nước bám theo tuyến rãnh và đường bê tông hiện hữu với kích thước rãnh dài x rộng x sâu (m): 130 x 0,3 x 0,3 m, đầu nối với tuyến rãnh hiện hữu. Trên tuyến rãnh bố trí 03 hố ga lắng đất đá kích thước hố ga dài x rộng x sâu (m): 0,7 x 0,7 x 0,7 m. Định kỳ hàng tuần hoặc sau mỗi trận mưa lớn trong giai đoạn thi công nạo vét tuyến rãnh và hố lắng. Khối lượng nạo vét được dùng để san gạt mặt bằng phía cánh phải gần suối.

+ Đối với đất ruộng và cây hàng năm phía cánh phải gần suối: Mạng lưới thu gom được bố trí sau khi thi công kè bằng rãnh thoát nước phía gần kè đến thu gom nước mưa sau đó chảy ra suối khu vực. Kích thước rãnh dài x rộng x sâu (m): 150 x 0,3 x 0,3 m. Định kỳ hàng tuần hoặc sau mưa lớn nạo vét rãnh đảm bảo tiêu thoát nước, khối lượng nạo vét phục vụ san nền tại chỗ.

b) Các công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải trong giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt: Từng hộ gia đình khi đến sinh sống phải đầu tư công trình xử lý nước thải tại chỗ (xử lý bằng hệ thống bể tự hoại ba ngăn) trước khi đầu nối vào đường ống thu gom nước thải tập trung để dẫn về công trình xử lý nước thải tập trung của dự án. Tại mỗi thửa đất bố trí 01 ống PVC D110 mm để thu nước thải sau khi xử lý sơ bộ tại các hộ gia đình, cá nhân. Nước thải sau đó được chảy qua đường ống PVC D110 mm về bể thu gom của trạm xử lý nước thải. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung được đầu tư xây dựng với công suất 15 m³/ngày đêm. Kích thước bể thu gom: dài x rộng x sâu (m): 1,8 x 1,7 x 2,08 m. Kích thước modul hợp khối: dài x rộng (m): 2 x 6,2 m. Bể xử lý sơ cấp kích thước dài x rộng x sâu (m): 2x3x2 m.

Quy trình công nghệ: Nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại 03 ngăn theo đường ống dẫn thu gom về bể thu gom và bơm lên Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 15 m³/ngày đêm dạng hợp khối (gồm các ngăn bể điều hòa, bể thiếu khí, bể hiếu khí MBBR, bể lắng sinh học và bể khử trùng), cuối cùng nước thải được dẫn sang bể khử trùng có sử dụng Clo trước khi thải ra ngoài môi trường.

Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải định kỳ thuê đơn vị có năng lực để thu gom, xử lý. Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột B (hệ số K=1,2).



Viên nén: Clo khô dạng viên nén.

- Nước mưa chảy tràn: Hệ thống rãnh thoát nước mưa dọc tuyến đường nội bộ bằng rãnh bê tông M200# dày 15 cm, trên lớp đệm bằng cấp phối đá dăm loại 2 dày 10 cm, với khẩu độ $Lo=60$ cm, tấm đáy bằng BTCT M250# dày 10 cm. Trung bình 25 m bố trí một cửa thu nước, trên miệng của thu nước được đặt tấm chắn rác bằng gang đúc thu nước vào rãnh dọc đặt mép trong vỉa hè. Thiết kế 01 cống bản $Lo=75$ tải trọng thiết kế H13-X60. Tấm bản BTCT M250# dày 15 cm, xà mũ BTCT M250#, thân cống bằng bê tông M200#

c) Đối với xử lý bụi, khí thải

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Bụi phát sinh do hoạt động của các xe chở vật liệu cũng như chất thải đảm bảo chở đúng tải trọng quy định; các phương tiện được đăng kiểm đảm bảo quy định được phép lưu thông và vận hành trong công trường. Trong quá trình chở vật liệu được phủ bạt kín khít, thùng xe không coi nói, để không làm rơi vãi vật liệu ra đường giao thông, phát tán bụi ra môi trường, ảnh hưởng đến sinh hoạt của nhân dân.

+ Tưới nước giảm bụi 02 lần/ngày vào những ngày nắng tại khu vực xe vận chuyển đặc biệt là tuyến đường vận chuyển đất đắp, tuyến đường trục thôn qua khu vực dự án trong phạm vi bán kính 1 km – 2 km tính từ khu vực dự án.

+ Bố trí đội vệ sinh thực hiện quét dọn mặt bằng công trường; quét dọn khu vực tuyến đường trục thôn qua khu vực dự án (*tiếp giáp dự án*).

+ Tiến hành kiểm tra thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị xây dựng hoạt động trên công trường.

+ Làm sạch phương tiện vận chuyển trước khi ra khỏi công trường.

+ Khí thải từ các phương tiện sử dụng nhiên liệu đốt cháy: sử dụng phương tiện đảm bảo tiêu chuẩn khí thải và quy định về yêu cầu trong vận chuyển; kiểm soát chặt chẽ phương tiện thi công, không chế phát thải của các phương tiện này theo Luật bảo vệ môi trường; tất cả các xe vận tải và các thiết bị thi công cơ giới đưa vào sử dụng đạt tiêu chuẩn quy định của Cục Đăng kiểm về mức độ an toàn kỹ thuật và an toàn môi trường; các phương tiện giao thông, máy móc, thiết bị xây dựng phải được kiểm định thường xuyên, bảo dưỡng định kỳ theo quy định.

- Giai đoạn hoạt động

+ Bụi phát sinh từ hoạt động của khu dân cư: Trồng cây xanh trên vỉa hè dọc theo tuyến đường trong khu vực dự án. Cây xanh có tác dụng giảm tiếng ồn, sóng âm, giữ lại bụi, điều hòa không khí cũng như tạo mỹ quan đẹp cho khu vực dự án.

+ Khí thải phát sinh do quá trình đun nấu của người dân sinh sống tại dự án: khuyến khích người dân sử dụng bếp điện từ; tuyên truyền với các hộ dân sinh sống trong dự án đảm bảo tuân thủ các yêu cầu về phòng cháy chữa cháy, vệ sinh môi trường.

+ Mùi từ trạm xử lý nước thải tập trung: Tuân thủ các yêu cầu thiết kế, xây dựng trạm xử lý phải đảm bảo không ảnh hưởng đến môi trường xung



quanh (đảm bảo khoảng cách an toàn về môi trường và có bố trí dải cây xanh chắn ly quanh khu vực xây dựng trạm xử lý nước thải theo quy định).

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

a) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Chất thải rắn phát sinh trong quá trình thi công xây dựng: Gạch vỡ, cát, bê tông vỡ; thu gom và san lấp trong phạm vi của dự án; đối với các loại chất thải như sắt thép, giấy vụn, bìa carton, bao xi măng... được thu gom và bán tái chế cho đơn vị thu mua phế liệu.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Trang bị 02 thùng thu gom, chứa rác sinh hoạt bằng composite, có nắp đậy có thể tích 200 lít/thùng để chứa rác tại khu công trường; phối hợp với đơn vị vệ sinh môi trường địa phương định kỳ vận chuyển và xử lý.

+ Hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các chất thải rắn xây dựng, chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng phải đảm bảo yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Giai đoạn hoạt động.

+ Chất thải rắn sinh hoạt: Các hộ gia đình sinh sống trong khu vực dự án tự thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại hộ gia đình, thu gom vào các thùng chứa rác công cộng được bố trí tại khu dân cư mới và chuyển cho đơn vị vệ sinh môi trường trên địa bàn để vận chuyển, xử lý (đối với loại chất thải không thể tái chế) và bán cho tổ chức, cá nhân thu mua phế liệu (đối với loại chất thải có thể tái chế).

+ Bùn thải từ trạm xử lý nước thải: định kỳ 06 tháng/lần đơn vị quản lý vận hành thuê đơn vị có chức năng đến hút và xử lý theo quy định.

+ Hoạt động thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ chất thải sinh hoạt, bùn thải của trạm xử lý nước thải trong quá trình hoạt động phải đảm bảo yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

b) Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại (CTNH)

- Giai đoạn thi công xây dựng: Bố trí 01 khu lưu giữ tạm thời chất thải nguy hại có diện tích 10 m²; có biển cảnh báo kho chứa CTNH; hợp đồng với đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý; theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Giai đoạn hoạt động: Các hộ gia đình thực hiện phân loại, thu gom, lưu giữ và xử lý theo đúng quy định, hướng dẫn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Yêu cầu về thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại: Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ chất thải nguy hại theo quy định; Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các chất thải nguy hại trong quá trình thi công xây dựng và

vận hành dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

a) Giai đoạn thi công xây dựng: Tính toán, lựa chọn các thiết bị thi công có mức ồn thấp, chọn vị trí đặt thiết bị gây ồn phù hợp sao cho giá trị mức ồn không cộng hưởng; tắt những máy móc hoạt động gián đoạn nếu thấy không cần thiết để giảm mức ồn tích lũy đến mức thấp nhất; định kỳ bảo trì máy móc thiết bị và phương tiện thi công; công nhân thi công tại công trường phải được trang bị bảo hộ lao động; tất cả các phương tiện và máy móc phải được đăng kiểm trước khi đưa vào sử dụng; xây dựng kế hoạch thi công hợp lý, hạn chế hoạt động đồng thời các máy móc, thiết bị xây dựng.

b) Giai đoạn hoạt động: Tuân thủ các quy định về tiếng ồn, độ rung; trồng cây xanh trong khuôn viên dự án; lập nội quy ra, vào khu vực hạn chế sự lưu thông của các phương tiện vận tải có tải trọng lớn.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác và phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

a) Biện pháp giảm thiểu tác động do sử dụng đất lúa

Dự án sử dụng đất trồng lúa, Chủ dự án sẽ nộp tiền bảo vệ đất trồng lúa khi chuyển đổi từ đất chuyên trồng lúa nước sang mục đích phi nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa và Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa; Thông tư số 18/2016/TT-BTC ngày 21/01/2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

b) Giảm thiểu nguy cơ sạt lở taluy âm tại vị trí tiếp giáp với diện tích đất canh tác nông nghiệp phía Tây của dự án

- Đối với taluy nền đào (taluy dương): Để đảm bảo an toàn cho công trình dự án sẽ tiến hành thi công công trình theo quy cách như sau để phòng ngừa sự cố sạt taluy. Tại những đoạn có mái ta luy nền đào cao và kéo dài, cứ chiều cao đào 8 m thiết kế giạt 1 bậc thêm có chiều rộng bậc là 2,0 m dốc 5% ra phía ngoài mái ta luy đường. Ngoài ra, vị trí mái taluy này được san tạo cách đường giao thông 12 m và không bố trí công trình hay quỹ đất dân cư gì để giám sát tính trượt lở công trình. Riêng phía bên phải thuộc tuyến nhánh giai đoạn sau không mở rộng quỹ đất nên cứ chiều cao đào 8m thiết kế giạt 1 bậc thêm có chiều rộng bậc là 2,0 m, có gia cố bằng bê tông M200 dày 15 cm dốc 15% nghiêng vào phía trong mái ta luy, cuối hạ lưu bậc cơ bố trí bậc nước tương ứng với hệ thống rãnh này để dẫn nước thoát ra rãnh dọc đường.

- Đối với mái ta luy đắp (taluy âm): Giáp suối gia cố bằng bê tông M200 dày 20 cm. Chân mái ta luy dưới phần ộp mái thiết kế chân khay M200, đỉnh chân khay có chiều rộng $b=0,3$ m, chân có chiều rộng 0,55 m, chiều cao là 1,1 m. Bình quân dọc theo chân khay và ộp mái ta luy cứ 10 m bố trí 1 khe phòng lún và 2 m bố trí 1 ống thoát nước, phía đầu ống thoát nước được bọc vải địa kỹ



thiết kế và thi công để thoát nước thân kè. Lựa chọn giải pháp thi công phù hợp với điều kiện địa chất của dự án; thi công theo đúng thiết kế, đảm bảo an toàn không gây sụt lở; thực hiện công tác giám sát các hoạt động thi công san nền, thi công đường giao thông, thi công hệ thống cống thoát nước; tăng cường cập nhật và theo dõi các diễn biến về thời tiết để tổ chức thi công phù hợp; kiểm soát và khống chế đất đá tràn xuống đất canh tác nông nghiệp; che chắn các bãi vật liệu đất đá để hạn chế bị nước mưa cuốn trôi.

c) Công trình, biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng

+ Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động: tất cả công nhân tham gia lao động trên công trường xây dựng được hướng dẫn kiến thức cơ bản về các quy định an toàn và vệ sinh lao động; các công nhân tham gia vận hành máy móc, thiết bị được huấn luyện và thực hành thao tác đúng cách, đúng quy trình; thường xuyên bảo dưỡng, bảo trì máy móc, thiết bị để đảm bảo an toàn khi vận hành; trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động như găng tay, khẩu trang, mũ bảo hiểm, dây thắt an toàn...

+ Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông: Tránh vận chuyển nguyên vật liệu vào giờ cao điểm để giảm thiểu tối đa nguy cơ tai nạn giao thông; tuân thủ luật giao thông đường bộ, kiểm soát tốc độ vận chuyển của các xe máy móc trên công trường; đặt biển cảnh báo công trường trên đường Trần Phú đoạn ra vào dự án.

+ Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ: công nhân trực tiếp làm việc tại công trường sẽ được hướng dẫn các phương pháp phòng chống cháy nổ; bố trí các phương tiện chữa cháy tại chỗ như bình chữa cháy cầm tay, xô, chậu để mức nước, cát...

- Giai đoạn hoạt động

+ Biện pháp phòng ngừa sự cố thiên tai: Các hộ gia đình phối hợp với chính quyền địa phương thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai lũ lụt do mưa bão gây ra; tổ chức khơi thông hệ thống thoát nước trong khu vực dự án đảm bảo tiêu thoát nước.

+ Ứng phó sự cố cháy, nổ: Tuyên truyền các hộ dân thiết kế hệ thống thông gió đảm bảo thông thoáng khí; tuyên truyền, hướng dẫn về cách xử lý sự cố khi rò rỉ khí gas và phổ biến cho các hộ dân sinh sống trong khu vực; khuyến khích các hộ dân lắp đặt hệ thống cảnh báo rò rỉ khí gas; Lựa chọn các nhà cung cấp gas tin cậy, hướng dẫn người dân sử dụng gas an toàn.

+ Ứng phó sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải tập trung: Thường xuyên theo dõi hoạt động và thực hiện bảo trì, bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tạm dừng hoạt động của trạm xử lý nước thải để tiến hành kiểm tra, khắc phục sự cố, thuê đơn vị có chức năng đến hút và vận chuyển nước thải đến cơ sở có chức năng xử lý tạm thời. Trong thời gian khắc phục sự cố điều chỉnh hệ thống van khóa để điều tiết nước thải chảy vào bể xử lý sự cố trong thời gian tối đa 02 ngày (khả năng lưu chứa của bể tối đa 2 ngày), sau khi khắc phục xong, tiếp tục hoạt động đảm bảo nước thải phát sinh trong quá trình vận hành của Dự án đạt Quy chuẩn Việt Nam trước khi xả thải ra môi trường.



5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công

5.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công

5.1.1. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn thi công

- a) Giám sát môi trường không khí
- Vị trí giám sát môi trường: Khu vực đầu nối với tuyến đường trục thôn đi qua khu vực dự án; khu vực trung tâm dự án; khu vực dân cư xung quanh dự án.
 - Thông số giám sát: Bụi tổng TSP, SO₂, CO, NO₂, tiếng ồn, độ rung.
 - Tần suất: 03 tháng/lần.
 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn nơi làm việc; QCVN 26:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu - giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

b) Giám sát khác: Giám sát chất lượng chất thải rắn: chất thải rắn sinh hoạt, bùn thải, chất thải nguy hại. Giám sát thực hiện theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/1/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

5.2. Giám sát giai đoạn vận hành thử nghiệm

- a) Giám sát nước thải
- Vị trí: Mẫu nước thải sinh hoạt sau trạm xử lý nước thải công suất 10 m³/ngày đêm;
 - Tần suất: Theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.
 - Thông số giám sát: pH, BOD₅, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), tổng chất rắn hòa tan (TDS), sunfua (H₂S), amoni (tính theo N), NO₃⁻ (tính theo N), PO₄³⁻ (tính theo P), tổng dầu mỡ động thực vật, tổng các chất hoạt động bề mặt, tổng Coliform.
 - Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2008/BTNMT, Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, cột A (hệ số K=1).

b) Giám sát chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thực hiện phân loại, thu gom các loại chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Định kỳ chuyển giao các loại chất thải phát sinh cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.3. Chương trình quản lý và giám sát môi trường giai đoạn vận hành

Dự án đi vào hoạt động không thuộc đối tượng phải tiến hành giám sát, quan trắc môi trường về nước thải, khí thải theo Điều 111 và 112 của Luật Bảo vệ môi trường và theo Điều 97 và 98 của Nghị định 08/2022/NĐCP của Chính phủ. Việc giám sát do chủ đầu tư tự quyết định để báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm.

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án và đơn vị được giao vận hành quản lý dự án có trách nhiệm thực hiện đúng, đầy đủ các nội dung theo kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động



môi trường được phê duyệt; tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật có liên quan, đặc biệt lưu ý tuân thủ các yêu cầu sau:

6.1. Sau khi hoàn thành đầu tư xây dựng công trình, Chủ dự án thực hiện lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 12 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

6.2. Sau khi được Ủy ban nhân dân tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho dự án, Chủ dự án thực hiện bàn giao công trình để quản lý khai thác, vận hành theo quy định. Đơn vị được giao quản lý vận hành có trách nhiệm thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung Giấy phép môi trường được cấp, đặc biệt là công trình xử lý nước thải sinh hoạt tập trung.

6.3. Các hạng mục công trình của dự án, đặc biệt là công trình bảo vệ môi trường phải được thiết kế và xây dựng theo quy định của pháp luật về xây dựng; Chủ dự án phải chịu trách nhiệm về công tác an toàn và bảo vệ môi trường trong suốt quá trình triển khai dự án.

6.4. Tổ chức thi công xây dựng theo đúng toạ độ, ranh giới, diện tích và thực hiện thi công theo công nghệ được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép.

6.5. Trong quá trình hoạt động của dự án, nếu để xảy ra sự cố ảnh hưởng đến chất lượng môi trường, Chủ dự án phải tổ chức kịp thời hoạt động ứng cứu, khắc phục sự cố, thông báo khẩn cấp cho chính quyền địa phương, Sở Tài nguyên và Môi trường và các cơ quan có liên quan để chỉ đạo và phối hợp xử lý. Chủ dự án cam kết đền bù thiệt hại, bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường khi xảy ra sự cố có liên quan đến hoạt động của dự án.

6.6. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hoá chất và các vật liệu khác bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

6.7. Tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên và thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng sạt lở, sụt lún đất đá; khi phát hiện dấu hiệu có khả năng xảy ra các hiện tượng sạt lở, sụt lún đất đá phải dừng ngay các hoạt động và khẩn trương đưa người, thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cáo cơ quan có thẩm quyền để phối hợp xử lý.

6.8. Thực hiện Chương trình quản lý, giám sát, quan trắc môi trường như đã đề xuất trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường; cập nhật, lưu giữ số liệu giám sát môi trường và định kỳ báo cáo cho cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường; bảo đảm kinh phí để thực hiện cho các hoạt động bảo vệ môi trường và chương trình giám sát môi trường như đã nêu trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6.9. Thực hiện các yêu cầu của cơ quan chức năng trong quá trình thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về môi trường đối với dự án.

6.10. Có trách nhiệm hợp tác và tạo điều kiện thuận lợi để các cơ quan quản lý Nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra thực hiện kế hoạch quản lý môi trường, việc triển khai các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường; cung cấp đầy đủ các thông tin, số liệu có liên quan đến dự án khi được yêu cầu.

6.11. Thực hiện nộp tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa theo quy định của pháp luật./.